

# QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Lê Thị Thu Hồng, Nguyễn Thị Kim Oanh  
Hoàng Thị Thủy  
Trường Đại học Mỏ - Địa chất  
Nguyễn Thị Tố Nga  
Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Vĩnh Phúc  
Email: lehong0903@gmail.com

## TÓM TẮT

Quản trị tài chính của các Trường Đại học công lập nói chung và Trường Đại học Mỏ - Địa chất nói riêng là nội dung vô cùng quan trọng trong công tác quản trị trường đại học. Bởi nếu thực hiện tốt công tác quản trị tài chính thì các trường mới tiết kiệm được các khoản chi phí, gia tăng được hiệu quả các khoản chi cũng như kích thích nhà trường phát triển trên mọi mặt. Thực tế, trong quá trình thực hiện, công tác quản trị tài chính của Trường Đại học Mỏ - Địa chất vẫn còn tồn tại một số bất cập cần được tháo gỡ. Bài viết này đã đề cập đến thực trạng quản trị tài chính của Trường Đại học Mỏ - Địa chất tiếp cận theo góc độ nội dung: quản trị nguồn thu, quản trị chi phí và quản trị kết quả. Qua đó, thấy được những kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao công tác quản trị tài chính cho Nhà trường.

**Từ khóa:** quản trị tài chính, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, thực trạng, giải pháp.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quản trị “Administration” là thuật ngữ được xem là tất cả các yếu tố liên quan ảnh hưởng đến hành vi của một tổ chức, nó thường được sử dụng ở phạm vi đối với tổ chức, doanh nghiệp. Tài chính là một phạm trù kinh tế, phản ánh các quan hệ phân phối của cái xã hội dưới hình thức giá trị phát sinh trong quá trình hình thành, tạo lập, phân phối các quỹ tiền tệ của các chủ thể trong nền kinh tế xã hội nhằm đạt mục tiêu của các chủ thể ở mỗi điều kiện nhất định. Như vậy, có thể thấy, khái niệm quản trị tài chính được sử dụng phổ biến trong quản trị doanh nghiệp và có thể được hiểu một cách đầy đủ là: “Quản trị tài chính là một môn khoa học quản trị nghiên cứu các mối quan hệ tài chính phát sinh trong quá trình sản xuất và kinh doanh của một doanh nghiệp hay một tổ chức. Nói một cách khác, quản trị tài chính là quản trị nguồn vốn (bao gồm vốn tiền mặt, vốn, tài sản và các quan hệ tài chính phát sinh như: khoản phải thu - khoản phải trả), nhằm tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hay một tổ chức”.

Tuy nhiên, hoạt động tài chính không chỉ diễn

ra trong phạm vi của doanh nghiệp mà còn diễn ra trong tất cả các mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội, trong đó có các trường đại học công lập. Quản trị tài chính Đại học công lập (ĐHCL) được xem là vấn đề cốt lõi, ảnh hưởng và tác động tới tất cả các khía cạnh hoạt động khác của nhà trường. Như vậy có thể hiểu: “Quản trị tài chính ở Trường ĐHCL là quá trình hoạch định chiến lược/kế hoạch tài chính, quyết định các chính sách, quy tắc tài chính, tổ chức thực hiện và kiểm soát quá trình thực thi nhằm giúp nhà trường đạt được mục tiêu đã đề ra”.

Theo đó, mục tiêu của quản trị tài chính Trường ĐHCL bao gồm 4 mục tiêu: (i) Đảm bảo tính tuân thủ của các hoạt động tài chính, (ii) Huy động các nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động của trường, (iii) Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, (iv) Đảm bảo có tích lũy để phát triển hoạt động giáo dục - đào tạo. Để đạt được các mục tiêu trên thì nhà trường cần tuân thủ các nguyên tắc sau: Nguyên tắc tuân thủ các quy định của Nhà nước trong quản trị tài chính đại học công lập, nguyên tắc có kế hoạch, nguyên tắc công khai, minh bạch và nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả.

Nội dung của công tác quản trị tài chính Trường ĐHCL bao gồm: (i) Quản trị nguồn thu tức là quá trình nghiên cứu, xây dựng mục tiêu, mức thu, kế hoạch và tổ chức quản lý, khai thác, kiểm soát, đánh giá và phát triển các khoản thu của nhà trường, nhằm đảm bảo huy động nguồn tài chính đáp ứng nhu cầu hoạt động và thực hiện các mục tiêu của nhà trường; (ii) Quản trị chi phí là quá trình phân tích, lập kế hoạch chi phí, tổ chức quản lý chi phí và giám sát các hoạt động của nhà trường, đảm bảo sử dụng nguồn kinh phí hiệu quả, đáp ứng thực hiện mục tiêu phát triển của nhà trường và đồng thời ghi chép, thu thập, phân tích các thông tin cần thiết cho công tác quản trị của nhà trường; (iii) Quản trị kết quả tài chính là quá trình tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ cơ quan được hình thành từ nguồn chênh lệch thu- chi của hoạt động kinh tế trong nhà trường.

## 2. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thực trạng quản trị tài chính

#### 2.1. Thực trạng quản trị nguồn thu

Trường Đại học Mở - Địa chất (Trường) là ngôi trường có bề dày truyền thống trên 60 năm xây dựng và phát triển. Đến nay Nhà trường đã tuyển sinh được 67 khóa đại học, 23 khóa cao đẳng, 41 khóa sau đại học với quy mô trên 20.000 sinh viên.

Hiện nay Trường có hai nguồn thu chính: i) Nguồn Ngân sách Nhà nước (NSNN) cấp (chi hoạt động thường xuyên và chi không thường xuyên); ii) Nguồn thu sự nghiệp tại trường (ngoài NSNN) bao gồm: thu học phí, thu dịch vụ đào tạo, và nguồn thu khác.

**Bảng 1. Tình hình thực hiện nguồn thu của nhà trường giai đoạn 2018÷2022**

**Đơn vị:** tr. đồng

| Năm  | Tổng số | Trong đó |         | Tỷ lệ nguồn thu |        |
|------|---------|----------|---------|-----------------|--------|
|      |         | NSNN     | Thu SN  | NSNN            | Thu SN |
| 2018 | 267.799 | 41.440   | 226.359 | 15,47%          | 84,53% |
| 2019 | 311.254 | 40.037   | 271.217 | 12,86%          | 87,14% |
| 2020 | 273.326 | 42.473   | 230.853 | 15,54%          | 84,46% |
| 2021 | 244.056 | 61.247   | 182.809 | 25,10%          | 74,90% |
| 2022 | 302.773 | 54.069   | 248.705 | 17,86%          | 82,14% |

(Nguồn: Báo cáo tài chính của đơn vị năm 2018÷2022)

Bảng số liệu trên cho thấy nguồn thu của Trường giai đoạn 2018÷2022 có xu hướng tăng không đều qua các năm. Trong 5 năm liên tục thì chỉ có 2 năm Trường đạt được nguồn thu trên 300 tỷ đó là vào năm 2019 và năm 2022. Các năm còn lại chỉ dao động trong khoảng 244 tỷ đến 267 tỷ. Trong đó, nguồn thu chính của Trường chiếm tỷ lệ trên 80% là thu sự nghiệp (thu từ học phí, lệ phí, hoạt động khoa học công nghệ,...) còn lại khoảng 20% là đến từ nguồn NSNN. Điều này cho thấy Trường đã phát triển mạnh mẽ trong việc tìm kiếm và quản lý các nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước. Theo xu hướng tự chủ đại

học hiện nay, nguồn NSNN cấp cho các trường đại học sẽ có xu hướng giảm đi. tập trung nhiều hơn vào nguồn thu sự nghiệp. Sự không ổn định từ thu NSNN có thể sẽ làm ảnh hưởng đến kế hoạch tài chính dài hạn của Trường. Ngược lại, việc tăng cường nguồn thu sự nghiệp sẽ giúp Trường giảm sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, tạo động lực phát triển các dịch vụ giáo dục chất lượng cao và đa dạng hóa các hoạt động tạo thu nhập. Tuy nhiên, Trường cũng sẽ phải đối mặt với những rủi ro không muốn trước sự biến động của các yếu tố bên ngoài như biến động kinh tế, thay đổi chính sách học phí, hoặc

sự cạnh tranh từ các cơ sở giáo dục khác gây bất lợi đến nguồn thu sự nghiệp.

**a. Nguồn Ngân sách Nhà nước cấp cho hoạt động thường xuyên**

Nguồn NSNN cấp chi hoạt động thường xuyên

căn cứ vào mức độ tự chủ của từng trường và định mức ngân sách. Dựa trên khả năng của ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí NSNN cấp qua hệ thống Kho bạc Nhà nước (KBNN) để kiểm soát thanh toán.

**Bảng 2. Tình hình nguồn NSNN cấp chi thường xuyên**

| Chỉ tiêu/Năm | Nguồn kinh phí thường xuyên<br>(Đơn vị: tr. đồng) |                | Tỷ lệ NSNN trong nguồn kinh phí |
|--------------|---|----------------|---------------------------------|
|              | Tổng số   | Tr.đó NSNN     |                                 |
| 2018         | 204.934   | 33.397         | 16,30%                          |
| 2019         | 218.290   | 24.784         | 11,35%                          |
| 2020         | 205.222   | 24.247         | 11,82%                          |
| 2021         | 158.449   | 46.173         | 29,14%                          |
| 2022         | 233.650   | 39.020         | 16,70%                          |
| <b>Tổng</b>  | <b>1.020.545</b>                                  | <b>167.620</b> | <b>16,42%</b>                   |

(Nguồn: Báo cáo tài chính của đơn vị năm 2018÷2022)

Qua phân tích số liệu trong Bảng trên, tổng số kinh phí thường xuyên dao động theo xu hướng tăng, từ 204.934 triệu đồng năm 2018 lên 233.650 triệu đồng năm 2022. Điều này cho thấy sự ổn định và khả năng đáp ứng nhu cầu chi tiêu thường xuyên của Nhà trường. Thông qua bảng, có thể thấy, ngân sách nhà nước đang chiếm tỷ lệ từ 10÷30% trong cơ cấu nguồn kinh phí chi thường

xuyên, Điều đó là do Trường Đại học Mở- Địa chất nằm trong nhóm 3 (Đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên). Có thể thấy, NSNN hiện đóng vai trò quan trọng trong nguồn thu của Trường nhưng phần lớn kinh phí hiện nay vẫn phải dựa vào các nguồn thu khác. Điều này có thể dẫn đến rủi ro mất cân đối thu chi nếu các nguồn này bị biến động hoặc giảm sút.

**Bảng 3. Tình hình nguồn NSNN cấp chi không thường xuyên**

Đơn vị: tr. đồng

| Chỉ tiêu/Năm | Nguồn kinh phí không thường xuyên |               | Tỷ lệ NSNN trong nguồn kinh phí |
|--------------|-----------------------------------|---------------|---------------------------------|
|              | Tổng số                           | Trong đó NSNN |                                 |
| 2018         | 8.043                             | 8.043         | 100,00%                         |
| 2019         | 15.254                            | 15.253        | 99,99%                          |
| 2020         | 18.227                            | 18.226        | 99,99%                          |
| 2021         | 15.074                            | 15.074        | 100,00%                         |
| 2022         | 15.049                            | 15.049        | 100,00%                         |
| <b>Tổng</b>  | <b>71.647</b>                     | <b>71.645</b> | <b>100,00%</b>                  |

(Nguồn: Báo cáo tài chính của đơn vị năm 2018÷2022)

**Nguồn NSNN cấp không thường xuyên**

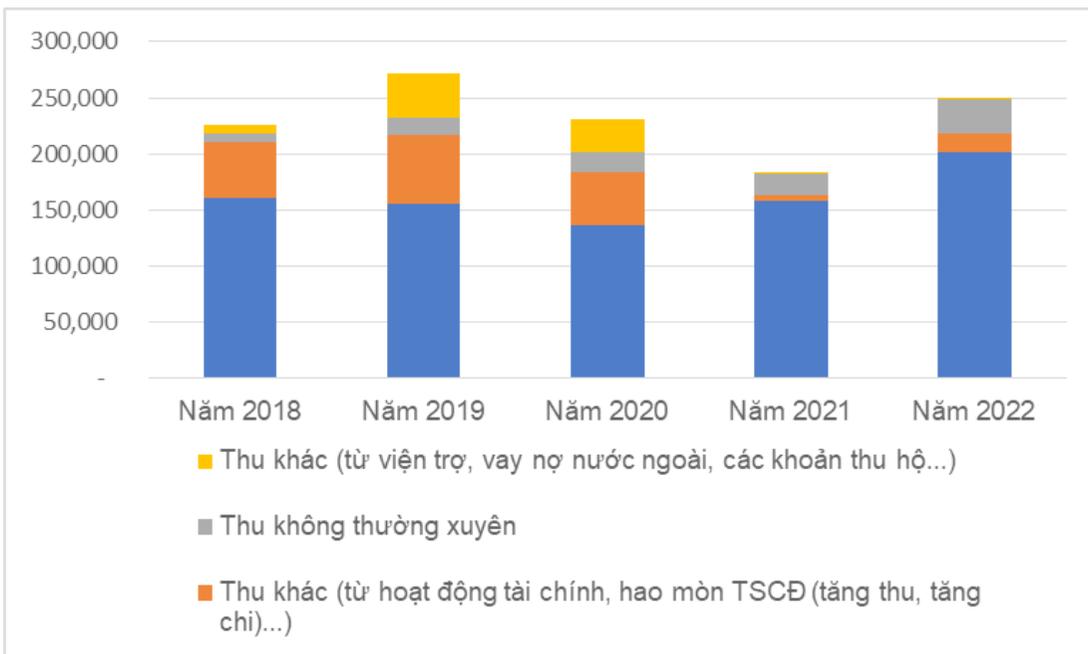
Nguồn ngân sách cấp chi không thường xuyên chủ yếu là thực hiện các dự án đầu tư, mua sắm thiết bị, ... Các khoản chi không thường xuyên kết thúc năm NSNN không sử dụng hết, phải trả lại NSNN hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền cho chuyển nhiệm vụ chi sang năm sau, khi cấp có thẩm quyền phê duyệt mới được phép sử dụng.

Trong suốt giai đoạn từ 2018 đến 2022, tỷ lệ NSNN trong nguồn kinh phí không thường xuyên hầu như luôn đạt 100%, chỉ có một năm (2019) là 99,99%, Điều này cho thấy sự hỗ trợ toàn diện và ổn định từ NSNN cho các khoản chi không thường xuyên. NSNN đã đảm bảo tài trợ gần như toàn bộ cho các khoản chi không thường xuyên, giúp

Trường có nguồn lực để đối phó với các chi phí bất thường hoặc phát sinh ngoài dự kiến. Tuy nhiên, việc phụ thuộc hoàn toàn vào NSNN cho các khoản chi không thường xuyên có thể tạo ra rủi ro nếu có sự thay đổi trong chính sách cấp phát ngân sách của nhà nước trong trường hợp Nhà nước giảm tài trợ, Trường có thể gặp khó khăn trong việc đối phó với các chi phí không thường xuyên này,

**b, Nguồn thu sự nghiệp của Trường (Ngoài NSNN cấp)**

Nguồn thu sự nghiệp của Trường Đại học Mở - Địa chất bao gồm: nguồn thu từ học phí; nguồn thu từ dịch vụ về đào tạo, chuyển giao công nghệ; thu hợp pháp khác như trông giữ xe, lãi tiền gửi, tài trợ,...



**Hình 1. Biểu đồ tình hình nguồn thu sự nghiệp nhà trường giai đoạn 2018÷2022 (tr. đồng)**

(Nguồn: Báo cáo tài chính của đơn vị năm 2018÷2022)

Trong đó, nguồn thu từ học phí, lệ phí chiếm tỷ trọng lớn nhất qua các năm và tương đối ổn định, Đối với khoản thu khác từ hoạt động tài chính, hao mòn tài sản cố định (TSCĐ), tỷ lệ của khoản thu này giảm đáng kể từ sau năm 2020 cho thấy Nhà trường đã đa dạng hóa nguồn thu. Ngoài ra, các khoản thu từ viện trợ, vay nợ nước ngoài, các khoản thu hộ,... có sự biến động liên tục qua các năm nhưng tỷ trọng nhỏ nên ảnh hưởng không đáng kể đến tổng thu,

**2.2.Thực trạng quản trị chi phí**

Theo tính chất các hoạt động, trường ĐHCL có 2 nhóm chi phí chính, chiếm tỷ trọng lớn là: chi phí không thường xuyên; và chi phí thường xuyên.

Tổng chi tăng đều từ năm 2018 đến 2019, đạt đỉnh năm 2019 với 269.090 triệu đồng, sau đó sụt giảm mạnh vào năm 2021 xuống còn 173.799 triệu đồng, sự biến đổi này là do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 khiến Trường phải cắt giảm nhiều khoản chi tiêu do việc giảng dạy chuyển

**Bảng 4. Tình hình chi thường xuyên và chi không thường xuyên (TX)**

Đơn vị: tr. đồng

| Chỉ tiêu | Tổng số chi | Trong đó     |         | Cơ cấu chi   |        |
|----------|-------------|--------------|---------|--------------|--------|
|          |             | Chi không TX | Chi TX  | Chi không TX | Chi TX |
| Năm 2018 | 221.760     | 8.043        | 204.934 | 3,63%        | 92,41% |
| Năm 2019 | 269.090     | 15.254       | 218.290 | 5,67%        | 81,12% |
| Năm 2020 | 251.130     | 18.227       | 205.222 | 7,26%        | 81,72% |
| Năm 2021 | 173.799     | 15.074       | 158.449 | 8,67%        | 91,17% |
| Năm 2022 | 249.208     | 15.049       | 233.650 | 6,04%        | 93,76% |

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính của đơn vị năm 2018÷2022)

sang hình thức trực tuyến, giảm các hoạt động ngoại khóa và các chi phí liên quan đến vận hành cơ sở vật chất, Tuy nhiên, vào năm 2022, tổng chi tăng lên 249.208 triệu đồng, gần bằng mức năm 2018.

Tỷ lệ chi không thường xuyên tăng từ 3,63% năm 2018 lên mức cao nhất 8,85% năm 2021, sau đó tỷ lệ này có giảm xuống 6,04% năm 2022 nhưng vẫn cao hơn so với giai đoạn 2018÷2020. Việc chi không thường xuyên có sự biến động

lớn có thể gây khó khăn cho việc lập kế hoạch tài chính dài hạn. Dù giảm xuống 6,04% năm 2022, tỷ lệ này vẫn cao hơn so với các năm 2018÷2020, cho thấy cần thiết phải kiểm soát tốt hơn các khoản chi không thường xuyên. Tỷ lệ chi thường xuyên chiếm phần lớn tổng chi, dao động từ 81,12% đến 93,76% qua các năm. Tỷ lệ chi thường xuyên cao nhất vào năm 2022 với 9,76%, cho thấy phần lớn chi phí của Trường là để duy trì các hoạt động thường xuyên.

**Bảng 5. Tình hình các khoản chi hoạt động thường xuyên**

Đơn vị: tr. đồng

| Chi thường xuyên   | Năm 2018       | Năm 2019       | Năm 2020       | Năm 2021       | Năm 2022       |
|--|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| - Chi tiền lương, tiền công  | 127.111        | 128.590        | 128.303        | 129.127        | 208.851        |
| - Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng  | 38.809         | 42.731         | 39.465         | 185            | .              |
| - Chi cho người học: Học bổng, khen thưởng, trợ cấp xã hội, hỗ trợ thực tập tốt nghiệp, tết...     | 8.667          | 8.297          | 8.870          | 8.959          | 9.048          |
| - Chi nghiên cứu khoa học, viết và đăng bài báo quốc tế, tham gia báo cáo tại các hội nghị quốc tế | 3.113          | 394            | 548            | 553            | 559            |
| - Chi khấu hao và hao mòn TSCĐ và đầu tư   | 26.695         | 38.030         | 28.036         | 19.311         | 14.068         |
| - Chi nộp thuế TNDN  | 539            | 248            |                | 314            | 1.124          |
| <b>Tổng</b>  | <b>204.934</b> | <b>218.290</b> | <b>205.222</b> | <b>158.449</b> | <b>233.650</b> |

(Nguồn: Báo cáo tài chính của đơn vị năm 2018÷2022)

**a, Chi hoạt động thường xuyên theo đối tượng chi bao gồm: chi cho con người; chi mua sắm sửa chữa thường xuyên; chi hoạt động chuyên môn đào tạo; chi khác.**

Tổng chi thường xuyên tăng từ năm 2018 đến năm 2019, sau đó giảm vào năm 2020 và giảm mạnh vào năm 2021, Năm 2022, tổng chi thường xuyên tăng trở lại, đạt mức cao nhất trong giai đoạn này, Chi tiền lương và tiền công duy trì ổn định từ năm 2018 đến 2021 và tăng đột biến lên 208.851 triệu đồng vào năm 2022, Điều này do Trường trả lương theo thâm niên nên tiền lương của cán bộ giảng viên có xu hướng tăng dần theo thời gian, đồng thời năm 2020÷2021 Trường cũng tăng đơn giá vượt giờ góp phần làm chi phí này tăng lên, Đây là khoản chi lớn nhất và ổn định nhất trong các khoản chi thường xuyên, có thể thấy Trường dành sự ưu tiên vào việc duy trì và cải thiện chất lượng nhân sự,

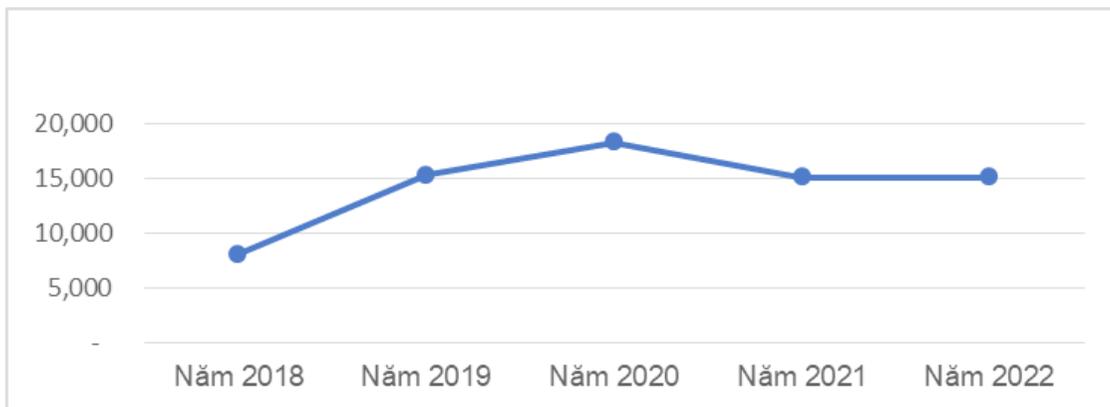
Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng giảm mạnh vào năm 2021 (30,32% so với năm 2020) do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, cán bộ viên chức làm việc online nên tiết kiệm chi phí cho Trường,

Về chi cho học tập, học bổng, khen thưởng, thư viện, giáo trình, học liệu, học cụ thực tập, thí nghiệm, khoản chi này tương đối ổn định trong giai đoạn 2018-2021, và tăng lên 9,839 triệu đồng vào năm 2022, cho thấy Trường có sự đầu tư liên tục vào chất lượng giáo dục và học tập,

Chi nghiên cứu khoa học, viết và đăng báo cáo quốc tế, tham gia báo cáo tại các hội nghị quốc tế giảm mạnh vào năm 2021, chỉ còn 548 triệu đồng, sự sụt giảm này là do các hội nghị và hoạt động khoa học bị hạn chế bởi đại dịch. Năm 2022, chi phí này tăng nhẹ nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với các năm trước đại dịch, Qua đó có thể thấy được Trường không ngừng cố gắng trong việc thúc đẩy nghiên cứu và đổi mới. Tuy nhiên, dịch bệnh COVID-19 có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động nghiên cứu và các thành tựu khoa học của Trường.

**b, Chi không thường xuyên**

Chi không thường xuyên được NSNN cấp theo các dự án và kiểm soát chi qua KBNN, nội dung chi và mức chi theo quy định của Nhà nước. Hết năm kế hoạch các trường sử dụng không hết NSNN sẽ thu hồi hoặc cho chuyển sang năm sau để thực hiện.



Hình 2. Biểu đồ chi không thường xuyên

(Đào tạo lưu học sinh nước ngoài, nghiên cứu khoa học, đề án ngoại ngữ, giảm biên chế)

Từ năm 2018 đến năm 2019, chi không thường xuyên tăng từ khoảng 8.000 triệu đồng lên khoảng 14.000 triệu đồng, tương ứng với mức tăng gần 75%. Nguyên nhân có là do các dự án đào tạo lưu học sinh nước ngoài, nghiên cứu khoa học và công nghệ, các đề án ngoại ngữ được đầu tư mạnh mẽ hơn. Sự gia tăng này cho thấy Trường đã nâng cao chất lượng giáo dục và nghiên cứu

khoa học, đồng thời thúc đẩy đề án ngoại ngữ và tinh giản biên chế.

**2.3. Thực trạng quản trị kết quả tài chính**

**a, Kết quả hoạt động tài chính (Chênh lệch thu -chi)**

Tình hình kết quả hoạt động tài chính của Trường Đại học Mở - Địa chất giai đoạn 2018÷2022

**Bảng 6. Tình hình kết quả hoạt động tài chính Trường Đại học Mở - Địa chất**

Đơn vị: tr. đồng

| Năm/Nội dung | Số thu           | Số chi           | CLTC           | Tỷ lệ CLTC |
|--------------|------------------|------------------|----------------|------------|
| Năm 2018     | 267.799          | 221.760          | 46.039         | 17%        |
| Năm 2019     | 311.254          | 269.090          | 42.164         | 14%        |
| Năm 2020     | 273.326          | 251.130          | 22.196         | 8%         |
| Năm 2021     | 244.056          | 173.799          | 70.256         | 29%        |
| Năm 2022     | 302.773          | 249.208          | 53.565         | 18%        |
| <b>Tổng</b>  | <b>1.399.208</b> | <b>1.164.987</b> | <b>234.220</b> | <b>17%</b> |

(Nguồn: Báo cáo tài chính của đơn vị năm 2018÷2022)

cho thấy nhiều biến động. Tổng số thu trong 5 năm là 1.399.208 triệu đồng, trong đó năm 2019 đạt mức cao nhất với 311.254 triệu đồng và năm 2021 đạt mức thấp nhất với 244.056 triệu đồng, Tổng số chi trong cùng giai đoạn là 1.164.987 triệu đồng, cao nhất là năm 2020 với 251.130 triệu đồng và thấp nhất là năm 2021 với 173.799 triệu đồng.

Chênh lệch thu chi (CLTC) qua các năm có sự biến đổi đáng kể. Tổng chênh lệch thu chi trong 5 năm là 234.220 triệu đồng, với mức cao nhất là 70.256 triệu đồng vào năm 2021 và thấp nhất là 22.196 triệu đồng vào năm 2020. Tỷ lệ chênh lệch thu chi trung bình trong giai đoạn này là 17%, dao động từ mức thấp nhất là 8% vào năm 2020 đến mức cao nhất là 29% vào năm 2021.

**b, Tình hình sử dụng kết quả tài chính trích lập quỹ cơ quan**

Trong giai đoạn 2018÷2022, Trường Đại học Mở - Địa chất đã thực hiện trích lập các quỹ theo đúng quy định của các nghị định và quyết định liên quan. Quỹ khen thưởng được trích lập không quá

2% nguồn thu hợp pháp, với số tiền trích lập tăng đều qua các năm, từ 1.131 triệu đồng năm 2018 lên 1.607 triệu đồng năm 2022. Quỹ phúc lợi, trích lập không quá 3% nguồn thu hợp pháp, cũng cho thấy sự tăng trưởng đáng kể, đặc biệt năm 2022 đạt 11.784 triệu đồng, cao hơn so với các năm trước. Quỹ bổ sung thu nhập, với quy định không quá 70% nguồn thu hợp pháp, chiếm tỷ lệ lớn nhất và tăng mạnh qua các năm, từ 13.812 triệu đồng năm 2018 lên 39.173 triệu đồng năm 2022, phản ánh nỗ lực của trường trong việc cải thiện thu nhập cho cán bộ, nhân viên. Quỹ trích lập cho hoạt động chuyên môn, với yêu cầu tối thiểu 20%, duy trì ở mức hợp lý qua các năm, mặc dù có sự biến động, đặc biệt là năm 2020 với tỷ lệ chỉ đạt 10%.

Tóm lại, Trường Đại học Mở - Địa chất đã tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về trích lập quỹ, đồng thời thể hiện sự quan tâm đến phúc lợi và thu nhập của nhân viên cũng như đảm bảo nguồn lực cho các hoạt động chuyên môn. Trường cũng đã nỗ lực cải thiện phúc lợi và thu nhập cho nhân viên, đồng thời duy trì nguồn lực cho các hoạt động này.

**Bảng 6. Tình hình trích lập quỹ của Trường Đại học Mở - Địa chất giai đoạn 2018-2022**  
Đơn vị: tr. đồng

| STT | Nội dung                             | Nghị định 43/2006  | Nghị định 16/2015  | Theo quy định 1522/QĐ-MĐC | Trích lập quỹ theo ND 60/2021/NĐ-CP  | Trích lập quỹ theo 78/NQ-HĐT   | Năm 2018            |         | Năm 2019            |         | Năm 2020            |         | Năm 2021            |         | Năm 2022            |         |
|-----|--------------------------------------|--|--|---------------------------|--|--|---------------------|---------|---------------------|---------|---------------------|---------|---------------------|---------|---------------------|---------|
|     |                                      |  |  |                           |  |  | Tỷ lệ trích thực tế | Số tiền | Tỷ lệ trích thực tế | Số tiền | Tỷ lệ trích thực tế | Số tiền | Tỷ lệ trích thực tế | Số tiền | Tỷ lệ trích thực tế | Số tiền |
| I   | Thặng dư/thâm hụt                    |  |  |                           |  |  |                     | 46.039  | 42.164              | 22.196  | 70.256              | 53.565  |                     |         |                     |         |
| II  | Phân phối cho các quỹ                |  |  |                           |  |  | 100%                | 46.039  | 42.164              | 100%    | 70.256              | 53.565  |                     |         |                     |         |
| 1   | Quỹ khen thưởng                      | Tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện trong năm | Tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện trong năm | 2%                        | Tối đa không quá 2,5 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị      | Tối đa không quá 2,5 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị      | 3%                  | 1.381   | 843                 | 3%      | 666                 | 2.108   | 3%                  | 1.607   |                     |         |
| 2   | Quỹ phúc lợi                         |  |  | 18%                       |  |  | 15%                 | 6.906   | 9.698               | 22%     | 4.883               | 15.456  | 22%                 | 11.784  |                     |         |
| 3   | Quỹ bổ sung thu nhập                 | Không có   | Tối đa không quá 2 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương               | 30%                       | Tối đa không quá 2 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương | Tối đa không quá 2 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương | 25%                 | 11.510  | 12.649              | 45%     | 9.988               | 35.128  | 50%                 | 26.782  |                     |         |
| 4   | Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp   | Tối thiểu 25%  | Tối thiểu 15%  | 30%                       | Tối thiểu 20%  | Tối thiểu 20%  | 52%                 | 23.940  | 16.866              | 25%     | 5.549               | 17.564  | 25%                 | 13.391  |                     |         |
| 5   | Quỹ dự phòng ổn định thu nhập        | Không có quy định cụ thể   | Không có   | 5%                        |  |  | 5%                  | 2.302   | 2.108               | 5%      | 1.110               | -       | 0%                  | -       |                     |         |
| 6   | Trích bổ sung nguồn kinh phí năm sau | Không có   | Không có   | 15%                       |  |  |                     | -       | -                   |         | -                   | -       |                     | -       |                     |         |

### 3. KẾT QUẢ VÀ TRAO ĐỔI

#### 3.1. Những kết quả đạt được và hạn chế trong công tác quản trị tài chính Trường Đại học Mở - Địa chất

##### a. Những kết quả đạt được

- Nguồn thu sự nghiệp của Trường đang tăng trưởng ổn định với một vài biến động nhỏ trong tổng thu của Trường. Trong giai đoạn nghiên cứu nguồn thu sự nghiệp đạt đỉnh vào năm 2019, sau đó giảm nhẹ vào năm 2020 và duy trì ổn định vào năm 2021, phục hồi trở lại và năm 2022. Có thể thấy Trường đã có những hướng đi đúng đắn trong việc duy trì và tăng trưởng nguồn thu;

- Đảm bảo nguồn kinh phí cho hoạt động của Trường: Nguồn thu sự nghiệp của Nhà trường (chưa bao gồm NSNN cấp) đã đảm bảo được chi hoạt động thường xuyên và có chênh lệch thu chi;

- Đảm bảo hiệu quả kinh tế trong hoạt động: Trường Đại học Mở - Địa chất là đơn vị sự nghiệp công lập, hoạt động không vì lợi nhuận. Tuy nhiên, thực hiện theo cơ chế tự chủ thì trường cần phải đảm bảo lấy thu bù chi và có tích lũy. Qua các năm nhà trường đều có chênh lệch thu chi;

- Đảm bảo trích lập quỹ: Trường đã thực hiện việc trích lập quỹ theo đúng quy định;

- Đảm bảo tuân thủ chính sách pháp luật của Nhà nước và quy chế quản trị tài chính nội bộ của đơn vị: Theo báo cáo tự kiểm toán cho thấy Trường luôn thực hiện tốt công tác kế toán tài chính đảm bảo kịp thời và đầy đủ theo quy định của Nhà nước;

- Nâng cao chất lượng đào tạo và giá trị thương hiệu của Trường: Trường đã quan tâm đến xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người học bằng việc trang bị những trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy tại các phòng học, giảng đường, lắp hệ thống điều hòa cục bộ tại tất cả các lớp học, thiết bị chiếu sáng, loa, mic... đầy đủ.

##### b. Những hạn chế:

- Chưa thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp: Hiện nay, nhu cầu vốn đầu tư cho trường là rất lớn, trong khi đó nguồn thu từ NSNN có hạn, nguồn thu của Trường còn hạn chế, trong khi đó nguồn nhân lực của Trường lại dồi dào. Hiện nay số vốn đầu tư, tài trợ của các doanh nghiệp còn rất khiêm tốn;

- Hiệu lực, hiệu quả của quy chế chi tiêu nội bộ còn hạn chế: Vai trò của quy chế chi tiêu nội bộ được Trường đề cao và đã xây dựng quy chế, tổ chức thực hiện khá tốt. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ còn tồn tại một số hạn chế như:

+ Chưa bao quát hết các nguồn thu, khoản chi. Một số mức thu, mức chi thấp chưa phù hợp với hoạt động của đơn vị và một số nội dung chi quy định chưa cụ thể, vì vậy khi thực hiện còn nhiều lúng túng. Chưa thường xuyên sửa đổi, bổ sung quy chế kịp thời khi nhiều hoạt động của đơn vị đã thay đổi và khi có chính sách, chế độ của Nhà nước đã thay đổi;

+ Tính công khai, minh bạch chưa cao: Công tác công khai về hoạt động tài chính mới dừng lại ở số tổng thu - chi. Số liệu quyết toán được duyệt chưa xây dựng hệ thống các tiêu chí công khai, đặc biệt là công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan các cấp đang được xem là một tài liệu "Mật".

##### c. Nguyên nhân:

- Nguyên nhân khách quan:

+ Quyền tự chủ giao cho nhà trường còn hạn chế:

Hạn chế về hoạt động đào tạo: Trường được tự chủ trong xác định các ngành, chuyên ngành đào tạo, hình thức tổ chức đào tạo, phương pháp giảng dạy, xử lý vấn đề bảo lưu, thôi học, vấn đề khen thưởng, kỷ luật... nhưng Trường chưa được tự chủ về quy mô tuyển sinh, số lần tuyển sinh trong năm, quản lý phôi bằng và cấp bằng;

Hạn chế về quản trị tài chính: Trường được tự chủ mức chi, được xây dựng định mức chi tiêu không cao hơn định mức chi do Nhà nước quy định nhưng chưa được tự chủ về nguồn thu, mức thu như việc xác định mức học phí, học phí nhà trường thấp và bị khống chế bởi mức trần, đây là yếu tố gây khó khăn cho Trường trong việc đảm bảo nhu cầu chi tiêu và nâng cao chất lượng đào tạo.

+ Nhu cầu của xã hội và người học về các ngành nghề đào tạo của Trường Đại học Mở - Địa chất đang có dấu hiệu giảm sút khiến công tác tuyển sinh gặp khó khăn.

+ Biến động giá các yếu tố đầu vào của chi phí như xăng, dầu, điện, nước,... đều tăng lên trong khi đó khung học phí chỉ tăng theo tỷ lệ 10% một năm, điều này làm cho việc đảm bảo chi thường

xuyên của Trường gặp khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động của Trường.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Về tổ chức bộ máy quản trị tài chính (QTTC): Thiếu sự hỗ trợ lẫn nhau trong giải quyết các công việc do các cán bộ chuyên trách theo mảng công việc. Sự phối hợp giữa các phòng, khoa, ban, trung tâm, văn phòng chưa cao;

+ Chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế

Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác QTTC còn thiếu tính tương thích và đồng bộ

Thiếu sự chủ động, sáng tạo của một số bộ phận cán bộ viên chức trong vấn đề tự chủ tài chính, khai thác tạo nguồn thu.

### **3.2. Giải pháp nâng cao công tác quản trị tài chính tại Trường Đại học Mở - Địa chất**

- Một là, đa dạng hóa và tăng cường quản lý các nguồn thu: Nhà trường cần lập dự toán dựa vào nhu cầu chi tiêu của đơn vị để làm căn cứ tiếp nhận ngân sách do cấp trên cấp. Cần đa dạng hóa các nguồn tài chính bằng cách mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo, loại hình đào tạo;

- Hai là, tăng cường quản lý và sử dụng hợp lý các khoản chi: hoàn thiện cơ chế và tổ chức quản lý tiền lương, chế độ thanh toán cho đội ngũ cán bộ viên chức (CBVC); xây dựng định mức chi hợp lý; có chế độ đãi ngộ, chế độ phù hợp với CBVC làm công tác kiêm nhiệm;

- Ba là, xây dựng chế độ đãi ngộ người lao động, thu hút nhân tài: Nhà trường cần quan tâm và có chế độ đãi ngộ phù hợp để giữ chân người lao động, đồng thời thu hút nhân tài kích thích người lao động nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc... thực hiện tốt các mục tiêu của Nhà trường;

- Bốn là, tăng cường công tác hạch toán kế toán, kiểm tra, kiểm toán: Hạch toán kế toán thực hiện việc thu nhận và xử lý thông tin về các hoạt động kinh tế tài chính một cách thường xuyên, liên tục, toàn diện và có hệ thống. Nhà trường cần xây dựng chế độ định kỳ báo cáo kế toán, cung cấp những thông tin đã thu nhận và xử lý của đơn vị cho lãnh đạo, cơ quan quản lý các cấp. Thu nhận, xử lý cung cấp thông tin phải đáp ứng yêu cầu và chuẩn mực kế toán, nghĩa

là công tác ghi chép, hạch toán, phản ánh hoạt động tài chính phải chính xác, kịp thời. Thực hiện tốt công tác kiểm toán, trong đó có kiểm toán nội bộ, coi công tác kiểm toán là một hoạt động không thể thiếu trong Quyết toán tài chính (QTTC) của Trường. Vì vậy, đối với Trường, cần có Ban tự kiểm tra nội bộ được đào tạo bài bản, hoặc thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm, phục vụ QTTC. Thực hiện được như vậy, công tác hạch toán kế toán, báo cáo tài chính và QTTC sẽ có độ chính xác, tin cậy cao, giúp công tác quản lý, điều hành đạt hiệu quả hơn;

- Năm là, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong QTTC: Áp dụng tin học vào công tác QTTC theo hướng trang bị đồng bộ các thiết bị tin học nối mạng, thiết bị lưu trữ và xử lý thông tin hiện đại để trao đổi thông tin, dữ liệu nội bộ, tra cứu, truy cập các thông tin về tài chính phục vụ cho yêu cầu quản lý;

- Sáu là, hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ: Xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ sẽ giúp lãnh đạo Nhà trường chủ động trong việc quản lý và chi tiêu tài chính, phát huy tính dân chủ, công khai, minh bạch trong sử dụng nguồn tài chính.

## **4. KẾT LUẬN**

Công tác quản trị tài chính của Trường Đại học Mở - Địa chất đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ như tăng trưởng nguồn thu sự nghiệp ổn định qua các năm, đồng thời đảm bảo nguồn kinh phí hoạt động cho, tăng tính hiệu quả trong hoạt động. Nhà trường luôn thực hiện tốt, tuân thủ đúng chính sách pháp luật của Nhà nước. Bên cạnh đó, giá trị thương hiệu của Nhà trường ngày một nâng lên so với các trường đại học trong nước, góp phần gia tăng số lượng người học. Tuy nhiên, Nhà trường cũng gặp phải nhiều khó khăn trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp. Tính hiệu lực, hiệu quả của quy chế chi tiêu nội bộ cũng còn hạn chế. Tính công khai, minh bạch cũng còn chưa cao. Để giải quyết những khó khăn, vướng mắc này bài báo đã đưa ra sáu giải pháp khắc phục □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
2. Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.
3. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí, đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.
5. Nguồn tài chính của Trường Đại học Mỏ - Địa chất năm 2018 đến 2022.
6. Các văn bản, quy định, quy chế nội bộ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
7. Website humg.edu.vn

## LỜI CẢM ƠN

Nội dung bài báo được hỗ trợ thực hiện từ kinh phí đề tài nghiên cứu cấp cơ sở của Trường Đại học Mỏ- Địa chất, mã số T23-25.

## FINANCIAL MANAGEMENT AT HA NOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY - CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS

**Le Thi Thu Hong, Nguyen Thi Kim Oanh, Hoàng Thi Thuy**  
*Hanoi University of Mining and Geology*  
**Nguyen Thi To Nga**  
*Vinh Phuc Technical Economic College (VTEC)*

## ABSTRACT

*Financial management at public universities in general, and at Hanoi University of Mining and Geology in particular, is a critical aspect of university administration, Proper financial management helps ensure effective use of resources, cost reduction, and increased efficiency, there by supporting the institution's sustainable development, In practice, during the implementation process, financial management at Hanoi University of Mining and Geology has encountered certain difficulties and challenges, This paper aims to analyze and evaluate the current situation of financial management at Hanoi University of Mining and Geology from various perspectives: revenue management, cost control, and budgeting, Based on this analysis, the paper proposes several solutions to enhance the financial management of the university,*

**Keywords:** *financial management, Hanoi University of Mining and Geology, current situation, solutions.*

**Ngày nhận bài:** 12/3/2024;  
**Ngày gửi phản biện** 14/3/2024;  
**Ngày nhận phản biện:** 05/5/2024;  
**Ngày chấp nhận đăng:** 13/5/2024.

**Trách nhiệm pháp lý của các tác giả bài báo:** Các tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm về các số liệu, nội dung công bố trong bài báo theo Luật Báo chí Việt Nam.